

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 3 - 2025.

Về “*Tranh chấp Hôn nhân  
và gia đình*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Hồ Ngọc Tiếp.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Duy Bảo.

Ông Trần Mai Khanh.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Châu - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Đậu Thị Nhật L, sinh ngày 28/4/2001; Nơi thường trú: xóm Y, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú hiện nay: số A, Leoplace A, 4-4-11 N, thành phố K, tỉnh Saitama, Nhật Bản, vắng mặt (có văn bản xin vắng mặt)

- *Người đại diện theo ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng của chị L:* chị Đậu Thị Như Q. Nơi cư trú: số G, đường N, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* anh Đậu Đức H, sinh ngày 15/12/1997; Nơi cư trú: xóm H, xã D (nay là xã N), huyện D, tỉnh Nghệ An, vắng mặt (có văn bản xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Căn cứ đơn xin ly hôn, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn - chị Đậu Thị Nhật L như sau:

Chị và anh Đậu Đức H tự nguyện yêu thương và đăng ký kết hôn ngày 29/10/2021 được UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 93. Thời gian đầu kết hôn chị L, anh H chung sống hạnh phúc. Tháng 10/2023, chị L đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản thì xảy ra mâu thuẫn, không thống nhất quan điểm về nuôi dạy con, làm ăn kinh tế. Chị L rất mệt mỏi về mặt tinh thần, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Đến nay chị L không còn tình cảm vợ chồng không còn, nên chị Linh đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Đậu Đức H.

Về con chung: chị L, anh H có 01 con chung là Đậu Thị Nhật P, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2022. Hiện nay, cháu P đang sống cùng anh H tại xóm H, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Nếu ly hôn, chị L đề nghị Tòa giao quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho anh H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi, thành.

Về tài sản chung, nợ chung: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 26/02/2025, bị đơn – anh Đậu Đức H trình bày:* anh H thừa nhận về điều kiện, thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị L đã khai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Tháng 10/2022, anh H đi xuất khẩu lao động tại Singapore và tháng 3/2023 thì anh H chị L có biểu hiện không chung thủy nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Tháng 7/2023 anh H về Việt Nam để chăm sóc con chung và giải quyết việc ly hôn với chị L, nhưng chưa ly hôn thì tháng 10/2023 chị L đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Hai bên không tìm được tiếng nói chung để xây dựng hạnh phúc. Nay tình cảm giữa anh H và chị L không còn, không thể hàn gắn. Vì vậy, anh H đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: anh H và chị L có 01 con chung Đậu Thị Nhật P, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2022. Anh H hiện nay đã về Việt Nam, có việc làm ổn định, thu nhập đủ để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Để con có cuộc sống tốt hơn, anh H đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh H không yêu cầu. Nếu chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung thì anh H chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa theo qui định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.1] Về thẩm quyền: bị đơn - anh Đậu Đức H có địa chỉ cư trú tại xóm H, xã D (nay là xã N), huyện D, tỉnh Nghệ An. Nguyên đơn - chị L hiện cư trú hiện nay: số A, Leoplace A, 4-4-11 N, thành phố K, tỉnh Saitama, Nhật Bản, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên - Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38, Điều 39 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 122, 123 và 127 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về thủ tục hòa giải: vụ án không thể tiến hành hòa giải được vì hiện nay chị L, đang ở nước ngoài và đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, là phù hợp khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Đối với nguyên đơn - chị Đậu Thị Nhật L: có địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh tại xóm Y, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú hiện nay: số A, Leoplace A, 4-4-11 N, thành phố K, tỉnh Saitama, Nhật Bản, chưa có điều kiện về Việt Nam giải quyết việc ly hôn với anh H nên ủy quyền cho chị Đậu Thị Như Q (nơi cư trú: số G, đường N, thành phố V, tỉnh Nghệ An) nộp hồ sơ khởi kiện cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An (có chứng thực của Đ tại Nhật Bản) và chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị L.

Đối với bị đơn - anh Đậu Đức H: đã trực tiếp đến Tòa án để làm việc và tiếp cận công khai chứng cứ. Tuy nhiên, do công việc nên đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh H.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: căn cứ Giấy chứng kết hôn số 93 ngày 29/10/1021 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An thì quan hệ hôn nhân giữa chị Đậu Thị Nhật L và anh Đậu Đức H là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tháng 10/2023, chị L đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản thì hai bên xảy ra mâu thuẫn, do thiếu tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến không còn quan tâm, chăm sóc nhau; hai bên thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, không thể hàn gắn. Xét thấy tình trạng tình cảm vợ chồng giữa chị Đậu Thị Nhật L và anh Đậu Đức H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần ghi nhận sự thống nhất và thỏa thuận của hai bên, áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 3, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đậu Thị Nhật L và anh Đậu Đức H.

2.2. Về con chung: chị Đậu Thị Nhật L và anh Đậu Đức H có 01 con chung là Đậu Thị Nhật P, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2022, hiện anh H đáng chăm sóc, nuôi dưỡng và anh H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do điều kiện chi L đang sinh sống, làm việc tại Nhật Bản, không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên chị L đề nghị Tòa án giao quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho anh H. Xét thấy: sự thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, đồng thời phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của mỗi bên cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của con chung, nên cần ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con thì anh H chấp nhận. Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu) đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Để đảm bảo con chung có cuộc sống tốt hơn, cần ghi nhận sự tự nguyện, thỏa thuận này của chị L. Theo đó, chị L

có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu) đồng, kể từ tháng 4 năm 2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: chị Đậu Thị Nhật L, anh Đậu Đức H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: chị L, anh H thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, nên các phải đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định (mỗi bên 25%). Chị L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

*Vì các lẽ trên;*

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 55, 58, 81, 82, 83, 84, 122, 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, các Điều: 37, 38, 39, khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 469 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 3, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: công thuận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đậu Thị Nhật L và anh Đậu Đức H.

2. Về con chung: ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Anh Đậu Đức H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Đậu Thị Nhật P, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2022.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: ghi nhận sự tự nguyện của chị Đậu Thị Nhật L, cụ thể: chị Đậu Thị Nhật L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu) đồng, việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng, kể từ tháng 4 năm 2025 đến khi cháu Đậu Thị Nhật P đủ 18 tuổi, trưởng thành

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T về án phí, lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Chị Đậu Thị Nhật L phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (một trăm năm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đã nộp tạm ứng án phí; trả lại chị Đậu Thị Nhật L 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013844 ngày 06/01/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Anh Đậu Đức H phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm (anh H chưa nộp).

5. Về quyền kháng cáo:

- Anh Đậu Đức H, vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật

- Chị Đậu Thị Nhật L, đang cư trú tại nước ngoài, vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Ngọc Bích, H.Diễn Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Ngọc Tiếp**